

QUAN ĐIỂM CỦA GIẢNG VIÊN VỀ TƯƠNG TÁC
TRONG KHÓA HỌC TRỰC TUYẾN

Nguyễn Thanh Thúy*, Nguyễn Đức Hoa Cường*,
Nguyễn Thị Hà*, Đinh Thị Bảo Hương**,
Đinh Thị Thanh Nga**, Phạm Ngọc Thạch**

Nghiên cứu này nhằm mục đích tìm hiểu quan điểm của giảng viên về vấn đề tương tác trực tuyến. Nhóm tác giả phân tích dữ liệu định tính thu thập được từ 09 cuộc phỏng vấn bán cấu trúc với giảng viên ở một trường đại học công lập ở Hà Nội. Kết quả nghiên cứu cho thấy tương tác có thể được thực hiện qua cả kênh lời nói và chữ viết và phản hồi trực tiếp của sinh viên có tác động lớn đến tâm trạng và động lực của giảng viên khi dạy trực tuyến. Kết quả nghiên cứu cũng chỉ ra rằng có hai xu hướng chính để giảng viên cải thiện sự tương tác trực tuyến, đó là việc tìm kiếm những biểu hiện của ngôn ngữ phi lời nói ở lớp học và việc sử dụng mô hình lớp học đảo ngược. Dựa vào các kết quả chính, nghiên cứu đưa ra những khuyến nghị liên quan tới việc thiết kế khóa học trực tuyến trong tương lai.

Từ khóa: quan điểm giảng viên, khái niệm tương tác, trực tuyến.

This study aims to investigate lecturers' perspectives on online interaction. Qualitative data were collected from semi-structured interviews with 9 lecturers at a public university in Hanoi. The findings show that online interaction can either be verbal or written and that direct feedback from learners has significant impact on the lecturers' affect and motivation. The research results also reveal two main ways for improving online interaction, which are to examine non-verbal communication and to use flipped classroom models. On that basis, recommendations for designing future online courses are put forward.

Keywords: lecturers' perspectives, interaction, online courses.

MỞ ĐẦU

Xu hướng dạy và học trực tuyến trên thế giới nói chung và ở Việt Nam nói riêng ngày càng được ghi nhận trong các nghiên cứu, đặc biệt là trong thời đại 4.0 khi công nghệ bùng nổ và trong một xã hội lấy nền tảng kiến thức làm trung tâm của mọi hoạt động. Một trong những lý do

chính để thực hiện việc giảng dạy và học tập trực tuyến là để giúp người học phát triển kiến thức và kỹ năng cần thiết như tìm kiếm và quản lý các nguồn thông tin trên Internet, việc học tập tự chủ và sử dụng các thiết bị công nghệ thành thạo. Điều này khó có thể thực hiện thông qua các bài giảng truyền thống (Bates, 2016).

Khi dịch bệnh Covid-19 bùng phát từ tháng 02 năm 2020, thời điểm rất nhiều

*ThS., **TS., Trường Đại học Hà Nội
Email: huongdtb@hanu.edu.vn

nước trên thế giới tiến hành các biện pháp phòng dịch, trong đó có giãn cách xã hội, vai trò của việc giảng dạy và học tập trực tuyến trở nên quan trọng hơn bao giờ hết, để thực hiện mục tiêu “Không thể dừng việc học” do UNESCO đề ra. Trong bối cảnh này, Việt Nam là một trong những nước sớm đề ra chủ trương “Tạm dừng đến trường nhưng không dừng việc học” (Nguyễn Thúy Hà, 2020, trích dẫn bởi Phạm Ngọc Thạch & cộng sự, 2021). Trường Đại học Hà Nội, một trường đại học công lập trong hệ thống giáo dục quốc dân cũng không là ngoại lệ.

Từ tháng 3 năm 2020, sau khi có chủ trương từ phía lãnh đạo Nhà trường, Trung tâm Công nghệ thông tin - Đào tạo trực tuyến đã triển khai các khóa bồi dưỡng giảng viên và sinh viên về việc sử dụng các nền tảng là Google Meet và Microsoft Teams để giảng dạy và học tập trực tuyến. Hơn 15.000 tài khoản đã được tạo ra cho giảng viên và sinh viên để triển khai việc giảng dạy và học tập trực tuyến (Phạm Ngọc Thạch & cộng sự, 2021), tạo tiền đề cho “các lần học trực tuyến sau đó và lâu dài hơn là chuẩn bị con người, cơ sở hạ tầng cho việc dạy-học trực tuyến nói riêng và chuyển đổi số nói chung” (tr.2).

Trong quá trình dạy-học trực tuyến, tương tác đóng vai trò quan trọng trong sự thành công của quá trình (Phạm Ngọc Thạch, 2018). Tương tác được định nghĩa là “sự tác động qua lại giữa các chủ thể là người dạy, người học và đối tượng dạy học cũng như toàn thể các thành phần của

quá trình dạy học” (Nguyễn Văn Cường & Nguyễn Cẩm Thanh, 2016, đoạn 3). Tương tác được phân loại thành ba nhóm: tương tác giữa người học với người học, giữa người học và người dạy và giữa người học với nội dung học (Moore, 1989).

Mặc dù tương tác trực tuyến đóng vai trò quan trọng như vậy nhưng tại Việt Nam theo tìm hiểu của nhóm nghiên cứu, chưa có nhiều nghiên cứu liên quan đến vấn đề này (Phạm Ngọc Thạch & Trần Minh Thành, 2020). Tại Trường Đại học Hà Nội, cho đến thời điểm nghiên cứu, chỉ có hai nghiên cứu chính về tương tác giữa người học tiếng Anh và giảng viên qua khóa học English Discovery Online (Phạm Ngọc Thạch & cộng sự, 2012) và tương tác giữa người học tiếng Anh và nội dung học của một khóa học trực tuyến HELLO (Phạm Ngọc Thạch & Trần Minh Thành, 2020). Các nghiên cứu này đều tập trung vào các khóa học tiếng Anh.

Khi đại dịch Covid-19 bùng phát, tất cả các giảng viên giảng dạy tại Trường Đại học Hà Nội phải chuyển sang giảng dạy trực tuyến. Khi tổ chức dạy học trực tuyến, sự tương tác đóng vai trò quan trọng. Tuy nhiên các nghiên cứu trước đây tại Trường chỉ tập trung vào sự tương tác trong các khóa học tiếng Anh, mà chưa đề cập đến sự tương tác trong các khóa học chuyên ngành bằng tiếng Anh, các khóa học ngôn ngữ và các khóa học môn chung theo chương trình giảng dạy của Trường. Đây là khoảng trống về nghiên cứu cần được lấp đầy, để từ đó đưa ra những biện pháp

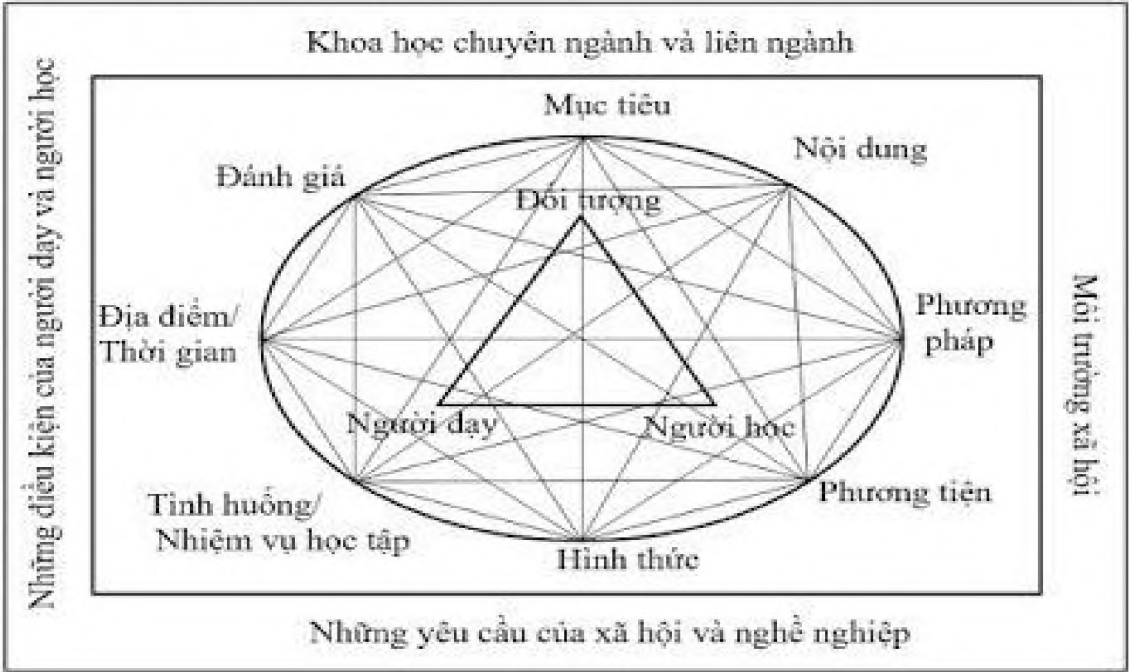
kịp thời nâng cao hiệu quả của các khóa học trực tuyến tại Trường. Nghiên cứu này đặt ra hai câu hỏi sau:

- 1. Giảng viên quan niệm thế nào về tương tác trong môi trường trực tuyến?
- 2. Những yếu tố nào tác động đến sự tương tác của giảng viên khi dạy trực tuyến?

TỔNG QUAN TÀI LIỆU

Khung lý luận dạy học

Quá trình dạy học bao gồm nhiều thành phần khác nhau, có mỗi tác động qua lại lẫn nhau, có thể được trình bày trong một khung lý luận dạy học sau đây:



Hình 1: Khung lý luận dạy học (Nguyễn Văn Cường & Nguyễn Cẩm Thanh, 2016)

Trong hình 1, các mối tương tác giữa người dạy, người học và đối tượng học tập là các thành tố chính của quá trình dạy học. Các mối tương tác này lại được thực hiện thông qua các yếu tố thuộc về môi trường dạy-học bao gồm mục tiêu, nội dung, phương pháp, phương tiện, hình thức, nhiệm vụ, đánh giá, tại địa điểm, thời gian xác định. Quá trình dạy học cũng chịu ảnh hưởng từ các yếu tố điều kiện môi trường bên ngoài và các yếu tố điều kiện của chính người dạy và người học

(Nguyễn Văn Cường & Nguyễn Cẩm Thanh, 2016).

Tương tác trong dạy- học trực tuyến

Việc học tập trực tuyến là chất xúc tác làm thay đổi các phương pháp sư phạm từ kiểu giảng dạy áp đặt từ thầy xuống trò, học trò học tập bị động sang phương thức thầy-trò cùng hợp tác và tương tác với nhau (Stern, n.d).

Có ba loại hình tương tác trực tuyến chính là: tương tác người học - người học,

người học - người dạy và người học - nội dung (Moore, 1989). Tương tác giữa người học - người học có thể được thực hiện thông qua các diễn đàn thảo luận trực tuyến được xây dựng trong các hệ thống quản lý học tập. Tương tác người học - người dạy thường cần thiết để phát triển nhiều kết quả đầu ra của việc học tập theo trật tự cao hơn, như phân tích, tổng hợp và tư duy phản biện. Người dạy, thông qua việc chuẩn bị tài liệu, bài giảng và cách thể hiện chúng trên môi trường trực tuyến có thể lôi cuốn sinh viên tích cực theo dõi bài giảng, đọc tài liệu, làm bài tập trực tuyến (Zaili & cộng sự, 2019). Việc thu hút sự tham gia của người học cũng khiến người dạy hứng thú hơn, tạo ra một bài học sống động. Để thu hút sự tham gia này, chủ đề đưa ra cần đủ hấp dẫn, thú vị và bổ ích đối với người học. Bên cạnh đó, cần có quy định bắt buộc người học phải tham gia hỏi đáp, thảo luận và có cơ chế thưởng, phạt, khích lệ, động viên có hiệu lực (Nguyễn Hồng Quý, 2020). Để trợ giúp cho quá trình tương tác giữa người dạy và người học, cần phát huy việc sử dụng các công cụ dạy học trực tuyến như diễn đàn thảo luận, nhật ký học tập, chat hay hội nghị trực tuyến (Trần Thanh Điện & Nguyễn Thái Nghe, 2017). Peterson (2016) cũng nhấn mạnh rằng việc tương tác theo thời gian thực có thể giúp xử lý độ trễ trong giao tiếp, sự trao đổi ý kiến qua lại nhiều lần hay thậm chí nhiều khi tạo ra sự hiểu lầm ý nhau khi sử dụng các phương tiện tương tác khác như các thông báo, bài viết trên mạng hay video thuyết

trình qua mạng. Ngoài ra, người học sẽ tương tác với các tư liệu học tập chẳng hạn như sách giáo khoa, một đoạn video ngắn hay một nền tảng phần mềm học tập. Sự tương tác này có thể quan sát được chẳng hạn thông qua các câu trả lời dự kiến được hay sự tham gia ý kiến thảo luận của người học, hoặc có khi lại chỉ dưới dạng “suy nghĩ” mà không có bất kỳ biểu hiện bên ngoài nào. Khi các tài nguyên học tập được thiết kế tốt và phù hợp, dựa vào công nghệ mạng Internet sẽ tạo nên các mức tương tác cao của người học với các tư liệu học tập (Bates, 2015).

Các nghiên cứu liên quan

Các nghiên cứu liên quan đến vấn đề tương tác trực tuyến và các yếu tố ảnh hưởng đến tương tác trực tuyến trên thế giới đa phần đều được thực hiện từ quan điểm của người học, và các kết quả còn chưa thống nhất. Ví dụ nghiên cứu của Nandi và cộng sự (2015) tập trung vào việc người học tương tác trên diễn đàn trực tuyến tại Trường Đại học Mở của Australia, thông qua nền tảng Blackboard, với bảng câu hỏi khảo sát. Kết quả nghiên cứu chỉ ra tầm quan trọng của việc kiểm tra đánh giá, hỗ trợ của trợ giảng, việc phản hồi các câu hỏi của sinh viên là các yếu tố quan trọng quyết định đến sự tương tác của người học. Nghiên cứu của Arifani và cộng sự (2020) trên 1.000 sinh viên chuyên ngành tiếng Anh tại Indonesia, sử dụng bảng câu hỏi khảo sát cho thấy các đặc điểm của giáo viên như tính hài hước, sự cẩn thận có ảnh hưởng rất lớn đến động lực dạy học của giáo viên tại lớp học trực

tiếp bị “biến mất” trong lớp học trực tuyến. Tuy nhiên, nhóm tác giả tìm ra sự tương tác giữa người học và nội dung học tập đóng vai trò rất quan trọng trong việc quyết định chất lượng dạy-học trực tuyến. Trái lại, nghiên cứu do Li và cộng sự (2021) với 382 sinh viên tại Trung Quốc chỉ ra rằng sinh viên không đánh giá cao tầm quan trọng của loại hình tương tác giữa người học với nội dung học tập, cũng như người học với người học.

Tại Trường Đại học Hà Nội, theo hiểu biết của nhóm nghiên cứu, các nghiên cứu trước đây được thực hiện về vấn đề tương tác tập trung vào các khóa học tiếng Anh. Phạm Ngọc Thạch và cộng sự (2012) tìm hiểu quan điểm của người học và giảng viên tiếng Anh về khóa học tiếng Anh (theo dạng thức kết hợp) English Discovery Online. Nghiên cứu chỉ ra loại hình tương tác đồng thời, công cụ tương tác như diễn đàn, Webpal và Youwho được sử dụng, tuy nhiên tần suất sử dụng còn thấp. Phạm Ngọc Thạch và Trần Minh Thành (2020) khi nghiên cứu về tương tác giữa người học và nội dung học (thông qua việc trích xuất dữ liệu từ hệ thống quản lý học tập) trong khóa học tiếng Anh HELLO đã chỉ ra rằng có sự khác biệt rất lớn về thời gian làm bài luyện trực tuyến giữa người học chủ động và bị động, và trong các kỹ năng, người học đạt điểm cao nhất ở kỹ năng đọc, và điểm thấp nhất ở kỹ năng viết.

Có thể thấy, việc khảo cứu chỉ ra rằng các nghiên cứu liên quan tập trung nhiều vào tương tác trực tuyến từ quan điểm của

người học hoặc tập trung vào các khóa học tiếng Anh. Tuy nhiên, khi giảng viên bắt buộc phải chuyển sang dạy trực tuyến trong đại dịch Covid, quan điểm của chính họ về tương tác, các yếu tố tác động đến tương tác với người học là những vấn đề cần được tìm hiểu thêm.

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Thông tin về bối cảnh nghiên cứu

Nghiên cứu này là một phần của một nghiên cứu lớn hơn tại Trường Đại học Hà Nội khi tất cả các khóa học phải thực hiện trực tuyến do tác động của đại dịch Covid-19. Tất cả các khóa học (ngoại ngữ, bao gồm cả tiếng Việt cho người nước ngoài và chuyên ngành bằng ngoại ngữ cũng như các môn chung dạy bằng tiếng Việt đều được dạy trực tuyến qua các nền tảng thông dụng như Google Meet và Microsoft Teams. Trước khi dạy trực tuyến, giảng viên đều được tham gia các khóa đào tạo về việc sử dụng các nền tảng nêu trên, do Nhà trường tổ chức.

Đối tượng tham gia nghiên cứu

Đối tượng tham gia nghiên cứu là 9 giảng viên dạy các khóa học khác nhau trong thời gian giãn cách xã hội vì dịch bệnh Covid-19. Họ đã được hướng dẫn về kỹ thuật sử dụng nền tảng công nghệ để truyền tải bài giảng theo kế hoạch có trước. Số lượng người học trong một lớp cũng khác nhau: có lớp chỉ dưới 30 sinh viên nhưng cũng có lớp hơn 100 sinh viên. Các giảng viên đã dạy ở Trường Đại học Hà Nội với thâm niên rất khác nhau (2 đến 15

năm) và tất cả đều đã có bằng thạc sỹ và một giảng viên có bằng tiến sỹ. Trong số các giảng viên này, một số kiêm nhiệm chức vụ quản lý. Các giảng viên tham gia nghiên cứu giảng dạy cả các học phần lý thuyết (03) và học phần thực hành (06).

Phương pháp thu thập và phân tích số liệu

Công cụ thu thập số liệu là phỏng vấn bán cấu trúc (Minichiello & cộng sự, 2008) với số lượng là 9 câu hỏi được xây dựng dựa trên khảo cứu tài liệu liên quan, và kết quả phân tích khảo sát trước đó (Phụ lục 1). Câu hỏi phỏng vấn tập trung vào các vấn đề: công tác chuẩn bị cho buổi dạy trực tuyến của giảng viên, quan niệm về tương tác và các phương pháp tương tác mà giảng viên đã sử dụng trong môn học của mình. Nội dung của kịch bản hỏi như vậy sẽ giúp cho nhóm nghiên cứu có thể thu thập được số liệu toàn diện từ các đối tượng giảng viên khác nhau về quan điểm của họ.

Các buổi phỏng vấn được các thành viên trong nhóm nghiên cứu thực hiện với từng giảng viên bằng tiếng Việt, được thu âm trực tiếp. Việc tham gia phỏng vấn mang tính tự nguyện và đối tượng khảo sát được giải thích về mục đích và nội dung của bài phỏng vấn, cũng như quyền lợi của họ khi tham gia nghiên cứu. Sau khi phỏng vấn, nhóm nghiên cứu đã tiến hành giải mã nguyên văn từ bản ghi âm và đọc lại các ghi chép về cuộc phỏng vấn, kiểm tra soát lỗi do sai lệch về tín hiệu ngôn từ. Bước tiếp theo là tiến hành phân

loại theo các chủ đề nổi lên từ số liệu thu thập được để trả lời cho câu hỏi nghiên cứu (Richards, 2005).

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Kết quả phân tích dữ liệu từ các cuộc phỏng vấn bán cấu trúc với 09 giảng viên đã đưa ra những kết quả thú vị xoay quanh bốn chủ đề chính: khái niệm và dạng thức tương tác, tương tác giữa sinh viên và nội dung học, ảnh hưởng từ phản hồi trực tiếp của sinh viên đến việc giảng dạy trực tuyến của giảng viên, và xu hướng chính trong việc thiết kế và thực hiện các hoạt động giảng dạy giảng viên đã tiến hành để nâng cao tính tương tác trong các khóa học trực tuyến.

Khái niệm và dạng thức tương tác

Một số giảng viên khi tham gia phỏng vấn định nghĩa “tương tác” là những hoạt động phải được thể hiện ra bằng lời nói, có sự tiếp xúc dưới nhiều hình thức, và nhờ đó, người đối diện có thể hiểu được các cảm xúc và khúc mắc thông qua nhiều biểu hiện khác nhau của cơ thể. Cụ thể ở đây là các kỳ vọng về hoạt động giao tiếp mang tính học tập (hoạt động theo cặp, theo nhóm, thuyết trình...) sẽ được tiến hành tương tự khi chuyển từ dạy trực tiếp sang trực tuyến. Điều này lý giải hai trạng thái tình cảm, trong đó một số giảng viên, do vẫn giữ nguyên cách giảng trực tiếp (dùng slide, thuyết trình, đặt câu hỏi trực tiếp cho học viên...) cho rằng “*học viên như thế nào thì vẫn như thế*” (ID8). Tuy nhiên, một số khác cảm thấy thất vọng vì “*không khí lớp không như gặp trực tiếp*”

(ID4), “*tương tác qua màn hình hạn chế*” (ID4), “*không thể nhìn thấy tất cả các em*” (ID4), không có điều kiện quan sát để điều chỉnh giảng dạy. Nỗi thất vọng này cũng cho thấy, dường như giảng viên vẫn cho rằng tương tác trong môi trường trực tuyến có thể được thực hiện như ở môi trường dạy-học trực tiếp.

Bên cạnh những quan niệm này, có một bộ phận giảng viên tự xây dựng cách định nghĩa riêng của mình về tương tác trực tuyến. Một giảng viên cho rằng khoảng cách địa lý không ảnh hưởng tới tương tác, bởi: “*sự thấu hiểu một cái chung nào đấy và sử dụng nó để giao tiếp hai chiều*” (ID6) mới là nền tảng cơ bản cho giao tiếp. Việc mở rộng khái niệm “tương tác” gốc cũng được một số giảng viên thể hiện, khi không còn khu biệt “tương tác” với các hoạt động dùng lời nói, mà bao gồm cả các hoạt động viết chữ: “*sự giao tiếp giữa sinh viên với giảng viên, có thể bằng lời hoặc có thể bằng các con chữ, bằng nhiều hình thức để chúng ta truyền tải những thông tin đến với nhau*” (ID3). Họ thậm chí còn xác định rõ các dạng tương tác theo hai phía người gửi-người nhận thông tin: “*từ giảng viên, sinh viên, giữa thầy cô và sinh viên, giữa sinh viên với sinh viên*” (ID5), cho tới phân định dựa theo dạng thông tin: “*tương tác trực tiếp hoặc không trực tiếp (qua email, facebook, các kênh khác)*” và “*ngay lập tức và thực hiện ngay như Zoom với Meet, hoặc email, Facebook groups, Google Drive, Google Classroom... tùy theo tính cấp thiết của thông tin*” (ID5).

Phát triển khái niệm hơn nữa là nhận định: tương tác là “*tạo ra không gian mà mọi người có thể trao đổi được kiến thức về nhau*”, rồi “*tải những tài liệu về và sử dụng chúng*”, và mọi người trong quá trình đều “*nhìn thấy thành quả của sự tương tác đấy*” (ID9). Từ góc độ một người giảng dạy bên khối ngành làm việc với máy tính nhiều, một giảng viên đã cụ thể hoá khái niệm này như sau: “*Tương tác ở đây có thể là giảng viên nói, sinh viên nên nghe và giảng viên đặt câu hỏi-sinh viên trả lời, tức là qua hình thức âm thanh. Thứ hai là qua hình thức chia sẻ màn hình. Và chia sẻ màn hình cũng có thể trực tiếp diễn giải tất cả các vấn đề và cũng có thể đưa ra giải quyết cho từng bài tập. Thứ ba là có thể ghi âm hoặc ghi hình tất cả các cuộc dạy trực tuyến để có thể tham khảo sau này. Và cuối cùng là kiểu hình thức phỏng vấn trực tiếp video với cô*” (ID8).

Tương tác giữa sinh viên và nội dung khóa học

Mặc dù có cách nhìn nhận khác nhau về khái niệm và dạng thức tương tác, hầu hết giảng viên được phỏng vấn nhấn mạnh đến tầm quan trọng của tương tác giữa người học và nội dung khi học trực tuyến. Một trong những chia sẻ được lặp lại khá nhiều là câu hỏi: “*làm thế nào để sinh viên yêu giờ học của cô?*”, và nỗi sợ “*làm cho sinh viên đờ hết ra, không hiểu gì hết*” (ID6). Bên cạnh hai câu hỏi này là một nhận định về kỳ vọng của học viên đối với giờ học trực tuyến: “*Đối với họ động lực nhờ công nghệ không phải là*

vấn đề lớn, mà quan trọng nhất là cái nội dung mình truyền tải là gì? Họ quan trọng cái đấy hơn là trực tuyến hay là trực tiếp?” (ID5). Từ việc xác định này, quá trình xây dựng bài giảng diễn ra trong cân nhắc làm sao để thu hút học viên: “Bài giảng có phù hợp đối tượng không? Bài giảng có chiều sâu không? Bài giảng có độ kích thích sinh viên không?”, cũng như phân tích các lý do cho thái độ của người học trên kinh nghiệm thực giảng. Những câu hỏi tự vấn này tạo ra nhận định: “từng chi tiết nhỏ phải trau chuốt” (ID6), cũng như khi học trực tuyến thì “hình thức bài giảng (sẽ phải) thông qua công nghệ sử dụng”, và vì thế cần đầu tư vào các công nghệ áp dụng cho bài dạy.

Quá trình này đồng thời cũng bị ảnh hưởng bởi các quan niệm của giảng viên về học phần họ giảng dạy, trong đó có những ý kiến cho rằng sinh viên sẵn có thành kiến với môn của mình từ trước, hoặc các môn của họ “thuần lý thuyết quá”, “trừu tượng và khô cứng” (ID6), từ đó, giảng viên có xu hướng rất tập trung vào việc cải thiện nội dung bài giảng sao cho hấp dẫn và phù hợp hơn với học viên, “làm sao để sinh viên cảm thấy hứng thú trong quá trình học” (ID1), “việc học không phải là kiến thức khô khan” mà “rất là thú vị” (ID1), mang tới cho học viên những kiến thức thực tiễn thay vì chỉ thuần lý thuyết, “giảng viên chỉ có thể thu hút học sinh bằng nội dung giảng dạy, thay vì phải áp dụng một hình thức bắt buộc nào đó” (ID1).

Tóm lại, kết quả phỏng vấn cho thấy giảng viên luôn băn khoăn, trăn trở làm thế nào để có thể truyền tải tốt nhất nội dung của môn học đến cho học viên, làm thế nào để có thể giúp họ cảm thấy vui mà học, kể cả trong môi trường trực tuyến.

Ảnh hưởng của phản hồi trực tiếp từ sinh viên

Kết quả phân tích dữ liệu cũng cho thấy một vấn đề rất thú vị, đó là giảng viên quan tâm rất lớn đến biểu hiện và nhận xét của học viên, từ đó đưa ra các biện pháp để cải thiện không khí của lớp học và hình ảnh của mình trên màn hình của người học.

Biểu hiện đầu tiên được nhắc tới khá nhiều là “không khí lớp học”, trong đó dường như giảng viên khá đề phòng với dấu hiệu “trầm xuống” (ID2) của lớp. Trong khi một giảng viên chia sẻ rằng không khí lớp học ảnh hưởng tới “tâm thế” (ID2) của mình, là thứ “tạo xúc tác cho giảng viên thể hiện sự say mê với bài học” (ID2), thì một giảng viên khác phân tích hiện tượng “lặng xuống” của người học theo xu hướng “chúng ta lúc đó phải chuyển đổi phương pháp giảng dạy, bởi vì khi chúng ta đã sử dụng một cái quá đều đều, không có độ nhấn nhá thì rõ ràng sẽ ảnh hưởng đến việc trầm lắng” (ID2). Điều này cũng góp phần lý giải cảm giác tiêu cực mà đa số giảng viên theo xu hướng này đã trải qua trong giai đoạn đầu giảng dạy trực tuyến, nhất là khi hầu hết sinh viên đều “tắt cam, tắt mic”, để lại

giảng viên một mình giảng bài trong không khí tĩnh lặng.

Bên cạnh yếu tố về không khí lớp, giảng viên cũng cố gắng giải mã thông tin từ học viên thông qua các cử chỉ, giao tiếp phi ngôn ngữ và từ nhận định trực tiếp của học viên. Khá nhiều giảng viên chia sẻ rằng họ thường phải nhìn qua “ánh mắt, nét mặt” (ID3) để “đoán được bạn này hiểu bài tới đâu” (ID2), từ đó mong muốn quay trở lại “gặp nhau trên lớp” chứ không thích tiếp tục dạy trực tuyến. Một số nhớ rất kỹ những nhận xét dù nhỏ của học viên như “giọng cô giống như rô bốt” (ID1) hoặc “cô không dùng headphone nhìn dễ chịu hơn” (ID1), để từ đó rút ra kết luận về việc đầu tư chuẩn bị trước bài giảng: “ngoại hình bên ngoài cũng có lẽ sẽ giúp cuốn hút sự theo dõi của sinh viên” (ID1), “Một nội dung hấp dẫn, một giọng nói truyền cảm, một gương mặt biểu cảm, một hình thức cô giáo sáng sủa... cũng đóng góp cho bài giảng tốt hơn”, (ID3), “Cho nên tôi cũng cố gắng chuẩn bị từ khuôn hình như thế nào, ăn mặc ra sao, gương mặt thì cũng phải trang điểm một chút để gây sự chú ý với các em” (ID3), và nhìn nhận đây là “chuẩn bị kỹ lưỡng dưới nhiều góc độ” (ID3).

Cho dù sự tập trung đầu tư được dồn vào đâu: nội dung bài giảng hay các yếu tố bên ngoài làm người học hài lòng, một biểu hiện chính là cảm nhận của người học có tác động rất lớn tới cảm xúc tích cực của giảng viên. Hoàn toàn có thể dễ dàng hiểu được rằng trong quá trình chuẩn bị cho trải nghiệm mới là dạy học trực tuyến, cách diễn giải sự hài lòng của

người học đã định hướng cho các nỗ lực chuẩn bị của giảng viên, nhất là khi khá nhiều người chia sẻ rằng họ sẽ “hài lòng khi học sinh của họ hài lòng” (ID5), hay: “Khi các em giao tiếp, các em tập trung, các em hứng khởi thì nó cũng cho cô những cảm xúc rất tích cực” (ID3). Việc giao tiếp của sinh viên trong lớp vô cùng quan trọng, “làm cho tôi cảm thấy công việc của mình có ý nghĩa và tôi yêu thích nó” (ID3). Từ điều này, họ thấy công việc là “niềm vui, là đam mê”, cảm thấy “mình trao đi giá trị” (ID3).

Thiết kế và giảng dạy thế nào để tăng cường mức độ tương tác

Dữ liệu từ phỏng vấn cho thấy có hai xu hướng chính trong việc giảng viên thiết kế các hoạt động giảng dạy để tăng cường mức độ tương tác. Trong khi nhóm đầu tiên có xu hướng tìm kiếm các chỉ dấu về mặt lời nói và biểu hiện phi ngôn ngữ từ cơ thể (gương mặt, ánh mắt...), thì nhóm thứ hai lại tập trung xây dựng bài giảng theo mô hình lớp học đảo ngược.

Với xu hướng đầu tiên, giảng viên thường tìm cách phát triển tương tác thông qua các hoạt động hỏi-đáp, thảo luận nhóm, thuyết trình... qua lời nói. Họ đánh giá một buổi dạy dựa trên mức độ nhiệt tình tham gia hoạt động của học viên:

Trên lớp học trực tuyến thì việc quan sát sinh viên hoặc là quan sát ngôn ngữ cơ thể của sinh viên là gần như không có. Giảng viên chỉ tập trung cho sự tương tác ở đây là sinh viên có tham gia vào bài học của mình. Sinh viên nêu ý kiến và hoặc khi giảng viên đưa ra một hoạt động nào đấy,

sinh viên làm bài và phản hồi lại. Đối với lớp học trực tuyến thì giảng viên đặt ra mục tiêu của việc tương tác thu hút sinh viên tham gia vào bài học, làm bài tập và phản hồi, nêu ý kiến, trả lời và thảo luận với nhau. Như vậy tương tác ở đây chủ yếu qua lời nói nhiều hơn và sinh viên làm bài và trả bài” (ID10).

Và điều này phụ thuộc khá nhiều vào tính cách của người học: *“Có một thủ lĩnh tốt thì thấy nhóm đó rất là sôi nổi. Còn ngược lại thì nếu như có những nhóm mà tất cả các em đều có một sức ép như nhau thì chúng tôi lại phải mất rất nhiều công sức để mà gọi mở cho các em” (ID3).*

Chính vì xu hướng này, một số giảng viên có phản ứng khi không nhận được sự phản hồi bằng nhiều phương diện (lời nói, ngôn ngữ cơ thể) của học trò:

Có những trường hợp khi cô đặt câu hỏi thì chỉ có một vài bạn trả lời và còn những bạn khác yên lặng không trả lời gì cả. Tôi hỏi rằng có phải những bạn khác đang ngủ không? Nếu đúng là các bạn đang ngủ thật (thì) có thể thức giấc hoặc có thể tạo ra một câu chuyện nào đó gây cười (ID1).

Những phản ứng này có thể dẫn tới một số biện pháp khác, như yêu cầu từng sinh viên bật camera: *“Thời gian đầu tiên thì tôi cũng có yêu cầu sinh viên bật camera lên” (ID10) hoặc “nhìn vào danh sách để gọi tên một bạn nào đấy và yêu cầu trả lời. Thậm chí yêu cầu bạn ấy mở mic và trả lời câu hỏi của cô” (ID1).*

Cũng có những cảm giác buồn xuôi khi học sinh không làm theo ý mình:

Có nhiều cách để buộc các bạn ấy phải nói. Nhưng không phải là 100 % sinh viên. Bạn nào tích cực thì bạn ấy vẫn là tích cực. Còn những bạn nào mà không chủ động tham gia học thì có gọi đến tên thì ngồi đợi mãi chả thấy đâu. Một lúc sau thì bạn ấy bảo là lúc nãy em bị bật ra ngoài, mạng em thế nọ thế kia nên mình cũng không biết phải nói thế nào nữa (ID10).

Xu hướng thứ hai là giảng viên sử dụng mô hình lớp học đảo ngược, chuẩn bị video trước, dùng thời gian trên lớp để tương tác trực tiếp, tạo ra một phương thức làm việc mới, kết hợp chặt chẽ giữa nền tảng như Google Classroom hoặc email hoặc Facebook groups cho các hoạt động tương tác tài liệu ở nhà, xây dựng quiz và các tài liệu hướng dẫn mà sinh viên có thể tham gia đóng góp ý kiến trước khi đến lớp... Đây là những hoạt động cải tạo rất lớn so với phương pháp giảng dạy truyền thống, được miêu tả là kết quả thảo luận trong các tổ chuyên môn, cũng như là nỗ lực làm việc, chia sẻ kinh nghiệm đối phó với tình hình mới trong một thời gian rất ngắn - tất cả hướng tới duy trì được chất lượng giảng dạy cho sinh viên, dù môi trường học tập phải thay đổi:

“Chúng tôi đã họp với nhau tới khuya, ngồi họp tranh luận về hình thức giảng dạy, và chúng tôi đi đến quyết định là lựa chọn hình thức giảng dạy khác”, nghĩa là “sẽ ghi âm bài giảng với slide trước cho sinh viên xem và khi gặp trực tiếp qua mạng chúng tôi sẽ chỉ giải quyết các vấn đề thứ nhất là hỏi đáp. Thứ hai là để ôn lại bài mà sinh viên được xem trước. Và thứ ba là để dạy các buổi thực hành” (ID4).

Từ góc độ nêu trên, đối tượng đánh giá của giảng viên cũng thay đổi. Thay vì tập trung vào việc học viên trả lời các câu hỏi trong bài học, giảng viên chú ý đến những yếu tố khác như việc đọc hiểu tài liệu của học viên, từ đó, nhìn nhận ra những tín hiệu tích cực từ phía người học:

Tôi thấy sinh viên làm việc rất tích cực, tức là phản hồi của sinh viên đối với những bài giảng đấy tôi thấy rất ổn, thậm chí tôi còn vui hơn cả với việc tôi đứng lớp trực tiếp bởi vì có thể trực tiếp nhiều lúc sinh viên đã hiểu hết rồi... có khi sinh viên cũng chán, chả đặt câu hỏi gì nữa. Hoặc cũng vì một lý do là sinh viên đôi khi ngại với cả những bạn xung quanh nên cũng không dám hỏi. Nhưng mà đây trực tuyến thì không nhìn thấy mặt nhau mà chỉ nghe thấy giọng nói thôi. ... khi mình đặt câu hỏi, các em trả lời rất nhiều (ID6).

Cách định nghĩa và xác định giá trị của “tương tác” dẫn tới việc sử dụng tối đa được các nền tảng trực tuyến mà các chương trình sẵn có cho phép, thậm chí còn vận dụng một cách linh hoạt và sáng tạo. Các nền tảng sẵn như Padlet, Google Drive, Quizlet, hoặc tính năng chia sẻ màn hình hoặc chia phòng của Zoom... đều được tận dụng triệt để và nhận được phản hồi tích cực của học viên. Có nhiều cách tổ chức hoạt động sáng tạo, xuất phát từ cách hiểu vấn đề của người dạy và sự linh hoạt với những điều kiện sẵn có, và kết quả vẫn giải quyết được các vấn đề mà xu hướng giảng dạy truyền thống đang gặp bế tắc (sự tham gia của học viên, độ tập trung...):

Thực ra thì trong quá trình giảng dạy mình thấy rằng các bạn tương tác rất cao. Riêng trong lớp của mình thôi, mình thấy rằng vì các bạn đã hiểu học trên lớp trực tuyến sẽ có rất nhiều quy định và tất cả những quy định đều cho mục tiêu là việc học của các bạn hiệu quả nhất (ID7).

Còn nói với độ tập trung cũng như vậy. Ví dụ như khi mình đưa ra một câu hỏi, cho các bạn 3 phút để các bạn gõ ý kiến của mình vào trong Padlet và sau 3 phút ấy mình sẽ tắt padlet đi. Mình sẽ khóa phần comment xem lại, những bạn mà không comment trong vòng 3 phút đấy coi như là các bạn đã mất một phần của buổi học ngày hôm nay (ID9).

Việc tham gia của sinh viên phụ thuộc vào cách tổ chức của giảng viên. Thí dụ như trong lúc đang dạy mình sẽ yêu cầu các bạn sẽ cùng vào Quizlet. Sau khi mình dạy xong khoảng 20 phút mình sẽ bảo là bây giờ mình sẽ cho 5 phút để các bạn vào Quizlet này và trong 5 phút đấy tất cả các bạn ấy đều làm bài. Tỷ lệ tương tác trong các lớp học của mình đều đạt khoảng tầm 90-95 %. Bởi vì tất cả mọi người đều phải cố gắng hoàn thành nhiệm vụ (ID9).

Tóm lại, với những cung bậc trải nghiệm khác nhau, từ ngỡ ngàng đến thất vọng, đến cố gắng và tìm tòi, sáng tạo, nhiều giảng viên cũng đã có được tự tin khi dạy trực tuyến.

THẢO LUẬN KẾT QUẢ VÀ KHUYẾN NGHỊ

Như đã trình bày ở trên, nghiên cứu định tính tiến hành với 09 giảng viên Trường Đại học Hà Nội đã chỉ ra bốn nhóm kết quả chính xoay quanh quan

điểm của giảng viên về các vấn đề như khái niệm và dạng thức tương tác, mối liên hệ giữa sinh viên và nội dung học tập, ảnh hưởng của phản hồi trực tiếp của sinh viên đến sự tương tác, và các xu hướng thiết kế và thực hiện các hoạt động giảng dạy nhằm tăng tính tương tác. Các kết quả này đã góp phần khẳng định và làm rõ một số thành tố chính trong khung lý luận dạy học (Nguyễn Văn Cường & Nguyễn Cẩm Thanh, 2016) như mối quan hệ giữa người học và nội dung, người dạy và phương pháp, và các hoạt động giảng dạy thông qua phản hồi của sinh viên khi dạy-học trực tuyến.

Cụ thể hơn, theo quan điểm của giảng viên, tương tác phải được thực hiện dưới dạng thức bằng lời và chữ viết. Các giảng viên cũng nhấn mạnh đến vấn đề tương tác giữa sinh viên và nội dung học tập. Điều này phù hợp với nghiên cứu của Phạm Ngọc Thạch và Trần Minh Thành (2020), Arifani và cộng sự (2020) và một lần nữa khẳng định tầm quan trọng về mối liên hệ giữa người học và nội dung học tập khi nói đến loại hình tương tác theo quan điểm của Moore (1989). Ngoài ra, nghiên cứu này đã chỉ ra rằng phản hồi của sinh viên trong lớp học thời gian thực có tác động trực tiếp đến việc giảng dạy của giảng viên, từ đó có ảnh hưởng đến việc thiết kế các hoạt động giảng dạy trong lớp học trực tuyến. Kết quả này phù hợp với quan điểm của Peterson (2016) và Zaili và cộng sự (2019). Thêm vào đó, các kết quả nghiên cứu thể hiện đa phần giảng

viên đều theo triết lý giảng dạy lấy người học làm trung tâm khi thực hiện dạy học trực tuyến, bất kể họ dạy môn chung bằng tiếng Việt, môn chuyên ngành bằng tiếng Anh hay các kỹ năng thực hành tiếng, lý thuyết tiếng của các ngành ngôn ngữ.

Các kết quả nghiên cứu nêu trên có ý nghĩa trong việc đưa ra các khuyến nghị, đặc biệt cho việc thiết kế các khóa học trực tuyến tại Trường Đại học Hà Nội. Các khóa học phải được thiết kế để tạo sự tương tác cao nhất giữa nội dung và người học, ví dụ như nội dung cần thân thiện, dễ nhìn về mặt giao diện, các nguồn tài nguyên học tập cần phải được đầu tư trang bị cho phù hợp với nội dung của các khóa học. Đồng thời các khóa học cũng cần phải được thiết kế nội dung cho phù hợp với từng đối tượng sinh viên, tạo điều kiện để sinh viên tương tác qua kênh hình, chữ và lời nói, trên các nền tảng trực tuyến phù hợp. Các ứng dụng như Padlet hay Quizlet cũng cần được Trường cân nhắc để đưa vào triển khai trong quá trình đào tạo trực tuyến. Điều này sẽ mang lại hiệu quả tối đa cho các khóa học trực tuyến tại Trường Đại học Hà Nội, đặc biệt trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19 diễn biến khó lường như hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Arifani, Y., Suryanti, S., Wicaksono, B. H., Inaysati, N. & Setiawan. S. (2020). EFL teacher blended professional training: A review of learners' online and traditional learning interactions quality. *The Southeast Asian Journal of English Language Studies*, 26(3), 124-138

2. Bates, A. W. (2015). Teaching in a Digital Age. Retrieved from opentextbc.ca/teachinginadigitalage
3. Bates, A. W. (2016). The 10 fundamentals of teaching online for faculty and instructors. Retrieved from https://teachonline.ca/sites/default/files/pdfs/the_10_fundamentals_of_teaching_online_for_faculty_and_instructors_-_september_2016.pdf
4. Li, Y., Nishimura, N., Yagami, H. & Park, H. (2021). An empirical study on online learners' continuance intentions in China. *Sustainability*, 13(889), 1-18
5. Moore, M. G. (1989). Editorial: Three types of interaction. *The American Journal of Distance Education*, 3(2), 1-7.
6. Minichiello, V., Aroni, R., & Hays, T. (2008). *In-depth interviewing: Principles, techniques, analysis* (3rd ed.). Pearson.
7. Nandi, D., Hamilton, M., Harland, J. & Mahmood, S. (2015). Investigation of participation and quality of online interaction. *IJ Modern Education and Computer Science*, 7(8), 25-37.
8. Nguyễn Hồng Quý. (2020). Tương tác giữa người dạy và người học trong đào tạo trực tuyến. Truy cập tại <http://giaoducvaxahoi.vn/en/giao-duc-dao-tao/tuong-tac-gi-a-ngu-i-d-y-va-ngu-i-h-c-trong-dao-t-o-tr-c-tuy-n.html>.
9. Nguyễn Văn Cường & Nguyễn Cẩm Thanh. (2016). Tương tác trong dạy học và dạy học tương tác. Truy cập tại <http://kynangnghiepvusupham.blogspot.com/2016/07/tuong-tac-trong-day-hoc-va-day-hoc.html>
10. Peterson, A. (2016). Five Ways to Make Your Online Classrooms More Interactive. Retrieved from <https://www.facultyfocus.com/articles/online-education/online-student-engagement/five-ways-make-online-classrooms-interactive/>
11. Phạm Ngọc Thạch, Đinh Thị Bảo Hương, Nguyễn Thị Hà, Đỗ Quỳnh Hương, Đinh Thị Thanh Nga (2021). *Báo cáo tổng kết Đề tài khoa học và công nghệ cấp cơ sở: Nghiên cứu tình hình dạy trực tuyến tại Trường Đại học Hà Nội trong giai đoạn xảy ra đại dịch Covid-19*. Hà Nội: Trường Đại học Hà Nội.
12. Phạm Ngọc Thạch & Trần Minh Thành (2020). Learner- content interaction in an online English language course in Vietnam. *Journal of Science*, 65 (12), 13-28
13. Pham, N. T., Thalathoti, V., Dakich, E., & Dang, X. T. (2012). English Discovery Online (EDO) - Examining learner-instructor interaction: A case study at Hanoi University, Hanoi, Vietnam. Paper presented at the First Teleconference on ICT in ELT in Vietnam.
14. Phạm Ngọc Thạch. (2018). Learner-content interaction in an online English learning course at a Vietnamese university. *VNU Journal of Foreign Studies*, 34(5), doi:10.25073/2525-2445/vnufs.4307
15. Richards, L. (2005). *Handling qualitative data: A practical guide*. Sage Publications.
16. Stern, J. (n.d). Introduction to online teaching and learning. Retrieved from <https://www.wlac.edu/online/documents/otl.pdf>
17. Trần Thanh Điện & Nguyễn Thái Nghe (2017). Các mô hình e-learning hỗ trợ dạy và học. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ* (Số chuyên đề: Công nghệ thông tin), 103-111.
18. Zaili, N., Moi, L. Y., Yusof, N. A., Hanfi, M. N., & Suhaimi, M. H. (2019). The factors of satisfaction on e-learning usage among Universiti Malaysia Kelantan students. *Journal of Information System and Technology Management*, 4(11), 73-83.

PHỤ LỤC 1: CÂU HỎI PHỎNG VẤN

1. Xin thầy/cô cho biết trong thời gian dạy trực tuyến vì Đại dịch Covid vừa qua, Thầy/cô đã tiến hành giảng dạy như thế nào?
2. Thầy cô hiểu tương tác trong dạy học trực tuyến là gì?
3. Kết quả phân tích khảo sát của chúng tôi cho thấy sự tương tác giữa giảng viên và sinh viên có tác động lớn tới sự hài lòng của giảng viên khi dạy trực tuyến. Thầy/Cô thấy sự tương tác giữa Thầy/Cô với sinh viên trong thời gian dạy trực tuyến như thế nào? Thầy/cô đã sử dụng những hình thức tương tác nào với sinh viên?
4. Kết quả phân tích khảo sát cũng cho thấy những yếu tố liên quan đến việc triển khai học trực tuyến như lựa chọn nền tảng công nghệ, hỗ trợ của trường, của khoa có tác động tới sự hài lòng của giảng viên khi dạy trực tuyến. Thầy/cô có nhận định gì về kết quả này?
5. Thầy/cô thấy sinh viên của mình tương tác với nhau như thế nào trong thời gian dạy trực tuyến vừa qua? Thái độ của sinh viên khi tương tác với nhau như thế nào (ví dụ khi làm bài tập nhóm, tranh luận với nhau, v.v...)?
6. Trong thời gian học trực tuyến vừa qua, năng lực sử dụng CNTT của các em có quan trọng không?
7. Kết quả khảo sát của chúng tôi cho thấy, có sự khác nhau về sự hài lòng của giảng viên khi dạy các học phần lý thuyết và học phần thực hành. Thầy/cô có quan điểm gì về vấn đề này?
8. Theo thầy/cô, trong tương lai, nếu tiếp tục dạy trực tuyến, nhà trường nên chuẩn bị và triển khai việc dạy và học trực tuyến như thế nào?
9. Các thầy cô mong muốn được hỗ trợ những gì để đẩy mạnh các hoạt động dạy học trực tuyến?

(Ngày nhận bài: 21/3/2022; ngày duyệt đăng: 30/3/2022)